

Số: 39/2022/QĐST – HNGĐ

Phú Thọ, ngày 19 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Thư ký phiên họp: Bà Hoàng Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp: Bà Trương Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 96/2022/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 68/2022/QĐ-MPH ngày 10 tháng 8 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; ĐKKHKT: Tổ 6, phố T, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang ở: Osaka, Nhật Bản.

- Anh Chu Minh S, sinh năm 1981; ĐKKHKT: Tổ 6, phố T, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các bản tự khai chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S trình bày: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S đăng ký kết hôn ngày 16/9/2011 tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Do khoảng cách địa lý xa xôi nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chia sẻ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay chị T vẫn đang lao động tại Nhật Bản và hiện nay chưa quay trở lại Việt Nam. Đến nay chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S đều thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Chu Phương L, sinh ngày 05/3/2012 và Chu Đức M, sinh ngày 25/01/2016. Hiện hai con chung đang ở cùng anh S. Khi ly hôn chị T, anh S thống nhất anh Chu Minh S sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị T, anh S thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự : Anh Chu Minh S tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Về chi phí giám định: Anh Chu Minh S tự nguyện xin chịu toàn bộ chi phí giám định và đề nghị Tòa án không ghi nhận trong Quyết định.

Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S. Về con chung: Giao con chung là cháu Chu Phương L, sinh ngày 05/3/2012 và Chu Đức M, sinh ngày 25/01/2016 cho anh Chu Minh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Chu Minh S tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, căn cứ đơn và lời khai của các đương sự và ý kiến đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Do vợ chồng sống xa nhau thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T và anh S đều thuận tình ly hôn. Do vậy việc chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận.

Trong hồ sơ thể hiện, hiện nay chị Nguyễn Thị T đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Tại văn bản số: 15961/QLXNC-P5 ngày 02/8/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (BL 20) xác nhận “Nguyễn Thị T, sinh ngày 21/3/1991, đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 07/4/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết. Hiện nay anh chị T và anh S đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Tcó đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai. Theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định chữ viết chữ ký trong đơn đề nghị mà chị gửi về. Căn cứ kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ (BL 27) đã kết luận:

Chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ “Nguyễn Thị T” trên “Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” ngày 18/7/2022; “Bản tự khai” ngày 18/7/2022 (Tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2) so với chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ “Nguyễn Thị T” dưới mục “Vợ” trên “Giấy chứng nhận kết hôn” ngày 16/9/2011 (Tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.

Từ đó đủ cơ sở khẳng định việc chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn với anh Chu Minh S là hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S đều thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Chu Phương L, sinh ngày 05/3/2012 và Chu Đức M, sinh ngày 25/01/2016. Hiện nay hai con chung đang ở cùng anh S. Khi ly hôn chị T và anh S thống nhất anh Chu Minh S sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung đến khi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng chị T và anh S thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung, tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng của chị T và anh S phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận. Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S xác định vợ chồng không có không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Việc tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự của anh Chu Minh S là phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 361, Điều 362, Điều 365, Điều 366, Điều 367, 369, Điều 370, Điều 371, Điều 397 và Điều 469 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S: Giao cháu Chu Phương L, sinh ngày 05/3/2012 và Chu Đức M, sinh ngày 25/01/2016 cho anh Chu Minh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cho đến khi con chung thành niên. Vấn đề cấp dưỡng chị T và anh S thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Minh S xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Công nhận anh Chu Minh S tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Xác nhận anh S đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số AA/2020/0000229 ngày 27/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND P. H – thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Thu Huyền